

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thanh toán
không dùng tiền mặt 9 tháng năm 2023

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VỀ HỖ TRỢ, THÚC ĐẨY THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ NĂM 2023

1. Công tác chỉ đạo

Thực hiện Kế hoạch số 84/SGDĐT-KHTC ngày 11/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hỗ trợ, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trong cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2023; Công văn số 2147/UBND-VHTT ngày 29/8/2022 của UBND thị xã Quảng Yên về việc đẩy mạnh triển khai thanh toán điện tử không dùng tiền mặt; Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 19/9/2022 của UBND thị xã Quảng Yên về thực hiện đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn thị xã Quảng Yên giai đoạn 2022-2025. Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên đã xây dựng Kế hoạch số 33/KH-PGDĐT ngày 16/01/2023 về hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn thị xã Quảng Yên năm 2023 và giao chỉ tiêu triển khai thanh toán không dùng tiền mặt năm 2023 cho các cơ sở giáo dục. Các cơ sở giáo dục trên địa bàn thị xã đã xây dựng Kế hoạch hỗ trợ thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt năm 2023 và tổ chức tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về thanh toán không dùng tiền mặt đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh và học sinh.

2. Kết quả cụ thể

- 100% cơ sở giáo dục chấp nhận thanh toán học phí và các khoản dịch vụ khác bằng phương thức không dùng tiền mặt.

- Các cơ sở giáo dục đã bố trí đầu mối, nhân lực để hướng dẫn, hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán học phí và các dịch vụ khác theo quy định. Chủ động phối hợp với các ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán để triển khai phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Tổng số tiền học phí, khoản thu dịch vụ thanh toán là 47.348.394.000 đồng trong đó số tiền thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt là 7.542.292.000 đồng đạt tỷ lệ 16%.

(Chi tiết Phụ lục số 01, 02, 03 đính kèm)

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm, thuận lợi

Việc triển khai thanh toán không dùng tiền mặt có một vai trò quan trọng trong việc giảm khối lượng tiền mặt lưu thông, giúp cho quá trình thanh toán diễn ra nhanh chóng, an toàn, tiện lợi và giảm bớt chi phí đi lại cho phụ huynh và học sinh. Nhận thức của đa số phụ huynh học sinh và các cán bộ quản lý, giáo viên chủ nhiệm đều đồng thuận và ủng hộ cao và nhận thức được tiện ích của việc thanh toán không dùng tiền mặt và đồng thuận triển khai thực hiện. Tránh được những hạn chế rủi ro trong các giao dịch bằng tiền mặt.

2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc

Trong quá trình triển khai rộng rãi còn gặp nhiều khó khăn do còn một bộ phận phụ huynh học sinh có thói quen sử dụng tiền mặt ngại thay đổi phương thức thanh toán truyền thống, chưa thành thạo các thao tác thực hiện thanh toán trên thiết bị thông minh. Tỷ lệ phụ huynh học sinh sử dụng điện thoại thông minh, thường xuyên sử dụng các dịch vụ thanh toán trên thiết bị thông minh còn ít. Do đặc điểm vùng miền các xã, phường khu vực Hà Nam của thị xã Quảng Yên một số bộ phận học sinh sống cùng ông, bà đã lớn tuổi do bố mẹ đi làm ăn xa, làm công nhân tại các khu công nghiệp... nên việc sử dụng các thiết bị thông minh còn hạn chế.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để triển khai việc thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục cần có thời gian và sự vào cuộc tích cực để phụ huynh học sinh thay đổi thói quen sử dụng phương thức thanh toán truyền thống và thích nghi với phương thức thanh toán không dùng tiền mặt. Trong năm học 2023-2024, Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã sẽ tiếp tục giao chỉ tiêu đến các cơ sở giáo dục nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KT (02).

TRƯỞNG PHÒNG



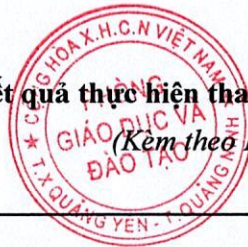
Nguyễn Thị Thuý

Phụ lục số 01

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU ĐƯỢC GIAO ĐÓI VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC

(Kèm theo Báo cáo số 810/BC-PGDĐT ngày 06/10/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã)

Stt	Tên địa phương	Mục tiêu địa phương, trường đã xây dựng theo Kế hoạch năm 2023	Kết quả đạt được Quý III/2023	Ghi chú
1	Thị xã Quảng Yên	100% cơ sở giáo dục chấp nhận thanh toán học phí và các khoản dịch vụ khác bằng phương thức không dùng tiền mặt. 84% số tiền học phí của các cơ sở giáo dục trên địa bàn đô thị, 55% số tiền học phí của các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn được thanh toán bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt	16% thanh toán học phí và các khoản dịch vụ khác thanh toán bằng phương thức không dùng tiền mặt	



Phụ lục số 02

Kết quả thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh 9 tháng năm 2023

(Kèm theo Báo cáo số 810/BC-PGDĐT ngày 06/10/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã)

Đơn vị tính: nghìn đồng

Stt	Tên trường tư thục	Số tiền học phí thu tháng 9 năm 2023	Số tiền các khoản thu khác như gửi xe, tiền nước	Số tiền nhà trường thu bằng hình thức		Ghi chú
				Bằng tiền mặt	Bằng hình thức không dùng tiền mặt	
	TỔNG CỘNG	562.688	305.073	140.711	727.050	
1	Trường Mầm non Quảng Yên	174.225	117.653	31.954	259.924	
2	Trường Mầm non Vân Anh	388.463	187.420	108.757	467.126	



Phụ lục số 03

Kết quả thực hiện Kế hoạch số 84/SGDDT-KHTC ngày 11/01/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh 9 tháng năm 2023

(Kèm theo Báo cáo số 810/BC-PGDĐT ngày 06/10/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Địa chỉ (xã, phường, thị trấn)	Số người học (trẻ em, học sinh, học viên)	Số người học có tài khoản thanh toán cá nhân	Số người học/cha mẹ người được hướng dẫn thanh toán không dùng tiền mặt	Số người học có cha/mẹ có điện thoại thông minh	Tên các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (ngân hàng, tổ chức tín dụng, trung gian thanh toán)	Phương thức thanh toán không dùng tiền mặt của cơ sở giáo dục (Đánh dấu X vào phương thức được cơ sở giáo dục chấp nhận)				Số, ngày tháng Kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt năm 2023 của cơ sở giáo dục	Tổng số tiền (nghìn đồng) học phí, khoản thu dịch vụ thanh toán (thu) từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt	Tổng số tiền (nghìn đồng) hỗ trợ (nếu có) thanh toán (chỉ) cho người học từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt
								Mã vuông QR	Website	Mobile Money và thẻ (POS)	Modul trên phần mềm quản lý					
	TỔNG CỘNG		30.141	403	29.644	20.361							47.348.394	7.542.292	1.885.117	0
1	Trường MN Cộng Hoà	Phường Cộng Hoà	396	0	396	257						Số 09/KH-TrMN ngày 02/2/2023	1.265.708	0	4.600	0
2	Trường MN Hà An	Phường Hà An	489	0	489	328						06/KH-MNHA ngày 07/02/2023	1.416.077	0	9.250	0
3	Trường MN Hoàng Tân	Xã Hoàng Tân	278	0	278	275	Ngân hàng Agribank Quảng Yên	x				28a/KH-MNHT ngày 24/02/2023	618.439	61.000	4.650	0
4	Trường MN Minh Thành	Phường Minh Thành	505		505	444						14/KH-MNMT Ngày 09/02/2023	727.285	0	6.690	0

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Địa chỉ (xã, phường, thị trấn)	Số người học (trẻ em, học sinh, học viên)	Số người học có tài khoản thanh toán cá nhân	Số người học/cha mẹ người được hướng dẫn thanh toán không dùng tiền mặt	Số người học có cha/mẹ có điện thoại thông minh	Tên các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (ngân hàng, tổ chức tín dụng, trung gian thanh toán)	Phương thức thanh toán không dùng tiền mặt của cơ sở giáo dục (Đánh dấu X vào phương thức được cơ sở giáo dục chấp nhận)				Số, ngày tháng Kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt năm 2023 của cơ sở giáo dục	Tổng số tiền (nghìn đồng) học phí, khoản thu dịch vụ thanh toán (thu) từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt	Tổng số tiền (nghìn đồng) hỗ trợ (nếu có) thanh toán (chi) cho người học từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt
								Mã vùng QR	Website	Mobile Money và thẻ (POS)	Modul trên phần mềm quản lý					
5	Trường MN Liên Vị	Xã Liên Vị	372	0	372	146						Số 16/KH-MNLV ngày 12/02/2023	879.374	0	15.500	0
6	Trường MN Phong Cốc	Phường Phong Cốc	361		361	212						24/KH-MNPC ngày 25/02/2025	759.246	0	1.550	0
7	Trường MN Phong Hải	Phường Phong Hải	330	0	330	200						24/KH-TrMN ngày 08/02/2023	962.400	0	12.345	0
8	Trường MN Tiền An	Xã Tiền An	389	0	389	370	Ngân hàng Agribank Quảng Yên	x				Số 22/KH-MNTA ngày 17/01/2023	906.384	0	13.840	0
9	Trường MN Yên Giang	Phường Yên Giang	218	0	218	190						Số: 18/VB-MNYG ngày 24/2/2023	524.646	0	1.550	0
10	Trường MN Đông Mai	Phường Đông Mai	460	0	460	406						24/KH-MNĐM ngày 08/02/2023	917.000	0	6.200	0



TT	Tên cơ quan, đơn vị	Địa chỉ (xã, phường, thị trấn)	Số người học (trẻ em, học sinh, học viên)	Số người học có tài khoản thanh toán cá nhân	Số người học/cha mẹ người được hướng dẫn thanh toán không dùng tiền mặt	Số người học có cha/mẹ có điện thoại thông minh	Tên các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (ngân hàng, tổ chức tín dụng, trung gian thanh toán)	Phương thức thanh toán không dùng tiền mặt của cơ sở giáo dục (Đánh dấu X vào phương thức được cơ sở giáo dục chấp nhận)				Số, ngày tháng Kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt năm 2023 của cơ sở giáo dục	Tổng số tiền (nghìn đồng) học phí, khoản thu dịch vụ thanh toán (thu) từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt	Tổng số tiền (nghìn đồng) hỗ trợ (nếu có) thanh toán (chi) cho người học từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt
								Mã vuông QR	Website	Mobile Money và thẻ (POS)	Modul trên phần mềm quản lý					
11	Trường MN Cẩm La	Xã Cẩm La	276	0	276	220						11/KH - MNCL ngày 22/01/2023	624.075	0	6.645	0
12	Trường MN Hiệp Hoà	Xã Hiệp Hoà	603	0	603	573						55/KH- MNHH ngày 10/03/2023	1.516.559	0	26.240	0
13	Trường MN Liên Hoà	Xã Liên Hoà	422	0	422	250						22/KH- MNLH ngày 12/2/2023	919.450		20.600	0
14	Trường MN Nam Hoà	Phường Nam Hoà	232	0	232	160						08/KH- MNNH ngày 06/02/2023	639.995	0	800	0
15	Trường MN Sông Khoai	Xã Sông Khoai	660	0	660	450						Số 28/KH- MNSK ngày 10/02/2023	1.634.254	0	17.950	0
16	Trường MN Tân An	Phường Tân An	288	0	288	270						24/KH- MNTA ngày 08/02/2023	639.723	0	25.840	0

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Địa chỉ (xã, phường, thị trấn)	Số người học (trẻ em, học sinh, học viên)	Số người học có tài khoản thanh toán cá nhân	Số người học/cha mẹ được hướng dẫn thanh toán không dùng tiền mặt	Số người học có cha/mẹ có điện thoại thông minh	Tên các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (ngân hàng, tổ chức tín dụng, trung gian thanh toán)	Phương thức thanh toán không dùng tiền mặt của cơ sở giáo dục (Đánh dấu X vào phương thức được cơ sở giáo dục chấp nhận)				Số, ngày tháng Kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt năm 2023 của cơ sở giáo dục	Tổng số tiền (nghìn đồng) học phí, khoản thu dịch vụ thanh toán (thu) từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt	Tổng số tiền (nghìn đồng) hỗ trợ (nếu có) thanh toán (chi) cho người học từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt
								Mã vuông QR	Website	Mobile Money và thẻ (POS)	Modul trên phần mềm quản lý					
17	Trường MN Tiền Phong	Xã Tiền Phong	137	0	137	65						25/KH-MNTP ngày 14/02/2023	74.520	0	9.200	0
18	Trường MN Yên Hải	Phường Yên Hải	346	0	346	167						Số 15a/KH-MNYH ngày 22/01/2023	827.181	0	10.595	0
19	Trường MN Hoa Hồng	Phường Quảng Yên	466		466	436						30/KH-MNHH ngày 08/02/2023	1.425.440	0	3.100	0
20	Trường Mầm non Quảng Yên	Phường Quảng Yên	230	190	230	190	Ngân hàng Agribank Quảng Yên		x				2.117.000	1.800.000	314.400	0
21	Trường Mầm non Vân Anh	Phường Quảng Yên	273	213	273	273	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam	x					4.427.656	3.056.019	678.300	0



TT	Tên cơ quan, đơn vị	Địa chỉ (xã, phường, thị trấn)	Số người học (trẻ em, học sinh, học viên)	Số người học có tài khoản thanh toán cá nhân	Số người học/cha mẹ người được hướng dẫn thanh toán không dùng tiền mặt	Số người học có cha/mẹ có điện thoại thông minh	Tên các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (ngân hàng, tổ chức tín dụng, trung gian thanh toán)	Phương thức thanh toán không dùng tiền mặt của cơ sở giáo dục (Đánh dấu X vào phương thức được cơ sở giáo dục chấp nhận)				Số, ngày tháng Kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt năm 2023 của cơ sở giáo dục	Tổng số tiền (nghìn đồng) học phí, khoản thu dịch vụ thanh toán (thu) từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt	Tổng số tiền (nghìn đồng) hỗ trợ (nếu có) thanh toán (chi) cho người học từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt
								Mã vuông QR	Website	Mobile Money và thẻ (POS)	Modul trên phần mềm quản lý					
22	Trường TH Liên Vị	Xã Liên Vị	806	0	806	350						Số 32/KH-THLV ngày 14/2/2013	833.159	0	43.830	0
23	Trường TH Hà An	Phường Hà An	673	0	673	450	Vietin bank					12A/KH THHA ngày 28/01/2023	1.155.000	0	14.250	0
24	Trường TH Ngô Quyền	Phường Quảng Yên	689	0	689	689	Ngân hàng Agribank Quảng Yên	x		x		Số 05a/KH-THNQ ngày 17/01/2023	1.508.672	1.508.672	8.250	0
25	Trường TH Phong Cốc	Phường Phong Cốc	634	0	634	225	Vietcom bank					Số 12/KH-THNQ ngày 15/01/2023	731.279	0	25.552	0
26	Trường TH Sông Khoai 1	Xã Sông Khoai	652	0	652	485						Số 07/KH-THSK1 ngày 31/01/2023	430.195	0	24.000	0
27	Trường TH Liên Hoà	Xã Liên Hoà	660	0	660	610						Số 16/KH-THLH ngày 14/02/2023	652.340	0	29.250	0

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Địa chỉ (xã, phường, thị trấn)	Số người học (trẻ em, học sinh, học viên)	Số người học có tài khoản thanh toán cá nhân	Số người học/cha mẹ người được hướng dẫn thanh toán không dùng tiền mặt	Số người học có cha/mẹ có điện thoại thông minh	Tên các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (ngân hàng, tổ chức tín dụng, trung gian thanh toán)	Phương thức thanh toán không dùng tiền mặt của cơ sở giáo dục (Đánh dấu X vào phương thức được cơ sở giáo dục chấp nhận)				Số, ngày tháng Kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt năm 2023 của cơ sở giáo dục	Tổng số tiền (nghìn đồng) học phí, khoản thu dịch vụ thanh toán (thu) từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt	Tổng số tiền (nghìn đồng) hỗ trợ (nếu có) thanh toán (chi) cho người học từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt
								Mã vuông QR	Website	Mobile Money và thẻ (POS)	Modul trên phần mềm quản lý					
28	Trường TH Minh Thành	Phường Minh Thành	1065	0	1065	830						18/KH-THMT ngày 20/01/2023	1.050.546	0	18.450	0
29	Trường TH Hiệp Hoà	Xã Hiệp Hoà	1112	0	1112	406						Số 08/KH-THHH ngày 17/01/2013	1.169.351	0	50.170	0
30	Trường TH Nguyễn Bình	Phường Quảng Yên	643	0	643	643	Ngân hàng Agribank Quảng Yên	x		x		04/KH-THNB ngày 18/01/2023	815.290	815.290	6.750	0
31	Trường TH Nam Hoà	Phường Nam Hoà	551	0	551	260						Số 04/KH-THNH ngày 01/02/2023	581.637	0	13.460	0
32	Trường TH Yên Giang	Phường Yên Giang	489	0	489	400						Số 38/KH-THYG ngày 18/01/2023	1.462.000	0	1.500	0
33	Trường TH Tiễn An	Xã Tiễn An	659	0	562	568						Số 65/KH-THTA ngày 18/1/2023	974.976	0	38.020	0
34	Trường TH Tân An	Phường Tân An	526	0	526	526						15/KH-THTA ngày 09/02/2023	491.268	0	17.960	0



TT	Tên cơ quan, đơn vị	Địa chỉ (xã, phường, thị trấn)	Số người học (trẻ em, học sinh, học viên)	Số người học có tài khoản thanh toán cá nhân	Số người học/cha mẹ người được hướng dẫn thanh toán không dùng tiền mặt	Số người học có cha/mẹ có điện thoại thông minh	Tên các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (ngân hàng, tổ chức tín dụng, trung gian thanh toán)	Phương thức thanh toán không dùng tiền mặt của cơ sở giáo dục (Đánh dấu X vào phương thức được cơ sở giáo dục chấp nhận)				Số, ngày tháng Kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt năm 2023 của cơ sở giáo dục	Tổng số tiền (nghìn đồng) học phí, khoản thu dịch vụ thanh toán (thu) từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt	Tổng số tiền (nghìn đồng) hỗ trợ (nếu có) thanh toán (chi) cho người học từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt
								Mã vuông QR	Website	Mobile Money và thẻ (POS)	Modul trên phần mềm quản lý					
35	Trường TH Đông Mai	Phường Đông Mai	725	0	725	566						06/KH ngày 18/01/2023	1.056.750	0	23.210	0
36	Trường TH Phong Hải	Phường Phong Hải	655	0	655	639						Số 10/KH-THPH ngày 10/2/2023	1.051.002	0	29.960	0
37	Trường TH Yên Hải	Phường Yên Hải	503	0	503	280	Ngân hàng Agribank Quảng Yên	x				Số 16/KH-THYH ngày 22/01/2023	701.614	301.311	10.500	0
38	Trường TH Nguyễn Văn Thuần	Phường Cộng Hoà	673	0	673	510						Số 08/KH-THNVT ngày 01/02/2023	1.370.988	0	11.100	0
39	Trường THCS Đông Mai	Phường Đông Mai	567	0	567	476						13/KH-THCSĐM ngày 04/02/2023	1.041.320	0	5.250	0
40	Trường THCS Trần Hưng Đạo	Phường Quảng Yên	590	0	590	340						06/KH ngày 16/01/2023	450.470	0	9.500	0

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Địa chỉ (xã, phường, thị trấn)	Số người học (trẻ em, học sinh, học viên)	Số người học có tài khoản thanh toán cá nhân	Số người học/cha mẹ người được hướng dẫn thanh toán không dùng tiền mặt	Số người học có cha/mẹ có điện thoại thông minh	Tên các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (ngân hàng, tổ chức tín dụng, trung gian thanh toán)	Phương thức thanh toán không dùng tiền mặt của cơ sở giáo dục (Đánh dấu X vào phương thức được cơ sở giáo dục chấp nhận)				Số, ngày tháng Kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt năm 2023 của cơ sở giáo dục	Tổng số tiền (nghìn đồng) học phí, khoản thu dịch vụ thanh toán (thu) từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt	Tổng số tiền (nghìn đồng) hỗ trợ (nếu có) thanh toán (chi) cho người học từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt
								Mã vuông QR	Website	Mobile Money và thẻ (POS)	Modul trên phần mềm quản lý					
41	Trường THCS Phong Cốc	Phường Phong Cốc	469	0	469	235						Số 23/KH-THCSPC ngày 9/2/2023	654.650	0	9.000	0
42	Trường THCS Tiên An	Xã Tiên An	449	0	449	208						12/KH ngày 20/01/2023	321.055	0	51.880	0
43	Trường THCS Cộng Hoà	Phường Cộng Hoà	380	0	380	115						Số 02/KHTHCS, ngày 15/01/2023	26.775	0	9.750	0
44	Trường THCS Phong Hải	Phường Phong Hải	426	0	426	192	Vietcom bank					Số 24/KH-THCS ngày 15/01/2023	387.134	0	45.000	0
45	Trường THCS Hà An	Phường Hà An	566	0	566	420	Ngân hàng VietinBank Uông Bí	x				Số 07a/KH-THCSHA ngày 9/02/2023	208.015	0	9.000	0
46	Trường THCS Nam Hoà	Phường Nam Hoà	389	0	389	200						14/KH ngày 15/01/2023	280.078	0	12.750	0



TT	Tên cơ quan, đơn vị	Địa chỉ (xã, phường, thị trấn)	Số người học (trẻ em, học sinh, học viên)	Số người học có tài khoản thanh toán cá nhân	Số người học/cha mẹ người được hướng dẫn thanh toán không dùng tiền mặt	Số người học có cha/mẹ có điện thoại thông minh	Tên các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (ngân hàng, tổ chức tín dụng, trung gian thanh toán)	Phương thức thanh toán không dùng tiền mặt của cơ sở giáo dục (Đánh dấu X vào phương thức được cơ sở giáo dục chấp nhận)				Số, ngày tháng Kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt năm 2023 của cơ sở giáo dục	Tổng số tiền (nghìn đồng) học phí, khoản thu dịch vụ thanh toán (thu) từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt	Tổng số tiền (nghìn đồng) hỗ trợ (nếu có) thanh toán (chi) cho người học từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt
								Mã vuông QR	Website	Mobile Money và thẻ (POS)	Modul trên phần mềm quản lý					
47	Trường THCS Lê Quý Đôn	Phường Yên Giang	682	0	682	389						14/KH ngày 15/1/2023	700.469	0	1.500	0
48	Trường THCS Hiệp Hoà	Xã Hiệp Hoà	794	0	794	350						16/KH ngày 16/1/2023	411.480	0	32.210	0
49	Trường THCS Sông Khoai	Xã Sông Khoai	479	0	479	90						26a/KH-THCSSK ngày 18/01/2023	256.588	0	5.500	0
50	Trường THCS Minh Thành	Phường Minh Thành	914	0	914	654						Số 18/KH-THCS MT ngày 22/01/2023	525.950	0	14.250	0
51	Trường THCS Liên Hoà	Xã Liên Hoà	484	0	484	295						Số 28/KH-THCSLH ngày 20/01/2023	275.500	0	13.500	0
52	Trường THCS Liên Vị	Xã Liên Vị	668	0	668	268						25/KH-THCSLV ngày 23/01/2023	365.500	0	21.000	0
53	Trường THCS Tân An	Phường Tân An	349	0	349	236						Số 12/KH-THCSTA ngày 9 tháng 2 năm 2023	203.835	0	10.500	0

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Địa chỉ (xã, phường, thị trấn)	Số người học (trẻ em, học sinh, học viên)	Số người học có tài khoản thanh toán cá nhân	Số người học/cha mẹ người được hướng dẫn thanh toán không dùng tiền mặt	Số người học có cha/mẹ có điện thoại thông minh	Tên các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (ngân hàng, tổ chức tín dụng, trung gian thanh toán)	Phương thức thanh toán không dùng tiền mặt của cơ sở giáo dục (Đánh dấu X vào phương thức được cơ sở giáo dục chấp nhận)				Số, ngày tháng Kế hoạch hỗ trợ, thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt năm 2023 của cơ sở giáo dục	Tổng số tiền (nghìn đồng) học phí, khoản thu dịch vụ thanh toán (thu) từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt	Tổng số tiền (nghìn đồng) hỗ trợ (nếu có) thanh toán (chỉ) cho người học từ 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo	Trong đó: Thanh toán bằng hình thức không dùng tiền mặt
								Mã vuông QR	Website	Mobile Money và thẻ (POS)	Modul trên phần mềm quản lý					
54	Trường THCS Yên Hải	Phường Yên Hải	401		320	310	Vietin bank					Số 22/THCS YH Ngày 28/9/2023	274.947	0	11.250	0
55	Trường TH&THCS Tiền Phong	Xã Tiền Phong	336	0	336	255						16/KH-TH&THCST P ngày 02/02/2023	92.502	0	11.250	0
56	Trường TH&THCS Cẩm La	Xã Cẩm La	708	0	389	389						07/KH-TH&THCS Cẩm La ngày 30/01/2023	255.417	0	22.460	0
57	Trường TH&THCS Sông Khoai	Xã Sông Khoai	540	0	540	270						16/KH-TH&THCS SK ngày 16/01/2023	454.105	0	20.510	0
58	Trường TH&THCS Hoàng Tân	Xã Hoàng Tân	504	0	504	350						24/KH ngày 08/02/2023	304.125	0	13.000	0